

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng thực hiện công bố thông tin Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng**

- Mã chứng khoán: MAS
- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0236 3830340, DD: 0963137909 Fax: 0236 3826133
- Email: [masco@masco.com.vn](mailto:masco@masco.com.vn), [minhhuyen@masco.com.vn](mailto:minhhuyen@masco.com.vn)
- Website: [masco.com.vn](http://masco.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024.

Báo cáo soát xét BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Báo cáo soát xét BCTC bán niên hợp nhất (TCNY có công ty con);

Báo cáo soát xét BCTC bán niên tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có:

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/06/2024 tại đường dẫn: [masco.com.vn](http://masco.com.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024: **Không**

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

• Nội dung giao dịch:

• Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

• Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo soát xét BTC

Quý 6 tháng/2024

- Văn bản giải trình

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT



**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

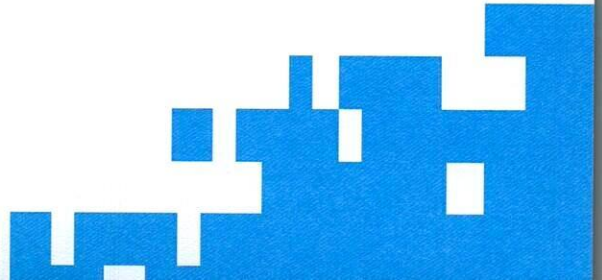
Nguyễn Thị Minh Huyền





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 37



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2024)
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Trần Thanh Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2024)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng ban (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)
Ông Lê Giang Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2021)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2024)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2021)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024



Số: 28/2024/SX-RSMHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.026.041.306</b>	<b>30.067.729.983</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.215.771.813</b>	<b>7.445.756.042</b>
1. Tiền	111	4.1	14.215.771.813	7.445.756.042
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	6.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.134.173.354</b>	<b>13.952.610.421</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	15.006.082.316	13.249.847.590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		299.734.176	89.128.240
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.383.586.625	3.068.864.354
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.555.229.763)	(2.555.229.763)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.412.048.408</b>	<b>5.481.391.429</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.6	5.412.048.408	5.481.391.429
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.764.047.731</b>	<b>3.287.972.091</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	3.589.853.035	3.136.764.136
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	174.194.696	151.207.955
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.193.944.601</b>	<b>41.302.800.627</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>112.820.000</b>	<b>112.820.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		112.820.000	112.820.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.695.520.621</b>	<b>37.768.805.611</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	34.127.987.953	37.182.606.269
Nguyên giá	222		158.777.522.845	161.605.573.024
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.649.534.892)	(124.422.966.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	567.532.668	586.199.342
Nguyên giá	228		953.083.100	953.083.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(385.550.432)	(366.883.758)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.385.603.980</b>	<b>3.421.175.016</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	3.385.603.980	3.421.175.016
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>82.219.985.907</b>	<b>71.370.530.610</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.220.396.143</b>	<b>40.821.137.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.626.410.008</b>	<b>35.273.150.901</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	9.595.707.718	9.746.693.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	6.242.655.207	5.502.114.042
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	666.660.777	572.282.845
4. Phải trả người lao động	314	4.13	5.842.632.678	5.809.887.598
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	1.450.685.837	264.692.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	6.833.965.620	2.751.490.988
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	3.330.361.408	1.933.117.069
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	9.626.629.687	8.494.194.873
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		37.111.076	198.678.076
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.593.986.135</b>	<b>5.547.986.135</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	953.986.135	1.907.986.135
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.999.589.764</b>	<b>30.549.393.574</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.18.1	<b>33.999.589.764</b>	<b>30.549.393.574</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.676.830.000	42.676.830.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	42.676.830.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.480.448.349)	(12.930.644.539)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(12.930.644.539)	(15.774.950.704)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.450.196.190	2.844.306.165
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>82.219.985.907</b>	<b>71.370.530.610</b>



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Thị Minh Huyền  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	94.486.425.491	64.920.877.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.21	1.858.065.355	393.346.733
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.628.360.136	64.527.530.519
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	74.286.672.012	53.712.954.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.341.688.124	10.814.576.484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		215.101.333	4.723.279
7. Chi phí tài chính	22	4.23	732.811.875	1.007.384.076
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		357.811.875	632.208.465
8. Chi phí bán hàng	25	4.24	4.084.456.457	3.180.293.217
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	8.094.606.028	5.429.306.300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.644.915.097	1.202.316.170
11. Thu nhập khác	31		732.632.411	384.597.121
12. Chi phí khác	32		672.461.121	259.070.770
13. Lợi nhuận khác	40		60.171.290	125.526.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.705.086.387	1.327.842.521
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.705.086.387	1.327.842.521
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.3	808	268
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	808	268



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Nguyễn Thị Minh Huyền  
Kê toán trưởng

Phạm Thị Thương  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.705.086.387	1.327.842.521
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.26	3.683.399.535	4.605.090.843
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(98.599.990)	(2.619.692)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(229.539.934)	(224.259.451)
Chi phí lãi vay	06	4.23	357.811.875	632.208.465
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.418.157.873</b>	<b>6.338.262.686</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(159.599.977)	(4.664.280.771)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		69.343.021	(267.356.231)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.124.903.667	192.910.214
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(417.517.863)	(1.453.761.699)
Tiền lãi vay đã trả	14		(365.744.446)	(614.854.268)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(161.567.000)	(377.350.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.507.975.275</b>	<b>(846.430.069)</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(610.114.545)	(8.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		181.818.181	245.454.548
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(6.500.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.499.835	2.103.562
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.922.796.529)</b>	<b>239.558.110</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	22.447.003.807	17.312.657.956
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	(22.268.568.993)	(15.959.265.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>178.434.814</b>	<b>1.353.392.068</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.763.613.560</b>	<b>746.520.109</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.445.756.042	4.764.980.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.402.211	729.615
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>14.215.771.813</b>	<b>5.512.229.731</b>



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024

*(Handwritten signature)*

Nguyễn Thị Minh Huyền  
Kê toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Phạm Thị Thương  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (một doanh nghiệp Nhà nước). Ngày 23 tháng 09 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 09 năm 2005 của Bộ Giao Thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 15 vào ngày 09 tháng 07 năm 2024 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Ngày 09 tháng 09 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường UpCom. Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MAS. Ngày bắt đầu giao dịch chính thức là ngày 15 tháng 07 năm 2014.

Cổ đông và vốn đầu tư tại ngày 30/06/2024 được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Việt Nam	15.412.650.000	36,11	15.412.650.000	36,11
Ông Nguyễn Thanh Đông	Việt Nam	3.707.500.000	8,69	100.000.000	0,23
Các cổ đông khác		23.556.680.000	55,20	27.164.180.000	63,66
<b>Cộng</b>		<b>42.676.830.000</b>	<b>100</b>	<b>42.676.830.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 443 (01 tháng 01 năm 2024 là: 418).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Chế biến suất ăn, kinh doanh thương mại và dịch vụ;
- Đào tạo lái xe ô tô và mô tô.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không  
Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn  
Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Giáo dục khác chưa được phân đầu vào đầu  
Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  
Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thức ăn (CP 642) và đồ uống (CP 643);

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  
Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo  
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh  
Chi tiết: Các dịch vụ bán lẻ phi thực phẩm (CPC 631+632). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm.

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng Suất ăn	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Phú Bài CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn; Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Tổ 18, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Nha Trang – CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn	Sân bay Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ Ăn uống	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng – Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco (dưới đây gọi tắt là “Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng”)	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	113 Núi Thành, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng – Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp Đào tạo lái xe Ô tô – Mô tô Masco Thừa Thiên Huế (dưới đây gọi tắt là “Trung tâm đào tạo lái xe Huế”)	Đào tạo, lái xe ô tô và mô tô	73 Phan Đình Phùng, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2023.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.703.694.545	1.537.358.713
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.512.077.268	5.908.397.329
<b>Cộng</b>	<b>14.215.771.813</b>	<b>7.445.756.042</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.500.000.000	-

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 9 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 3,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	1.370.258.030	1.175.274.864
Phải thu từ khách hàng:		
STARLUX Airlines Co., Ltd	3.125.186.530	2.660.931.263
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	3.209.347.154	3.180.055.465
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	1.077.711.733	1.353.494.933
Các khách hàng khác (*)	4.742.453.870	3.398.966.066
<b>Cộng</b>	<b>15.006.082.316</b>	<b>13.249.847.590</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	663.921.628	-	1.160.364.890	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	84.000.000	-	84.000.000	-
Khoản lỗ chia cho các bên hợp tác đầu tư	157.247.926	-	1.246.796.349	-
Các khoản phải thu khác	478.417.071	-	577.703.115	-
<b>Cộng</b>	<b>1.383.586.625</b>	<b>-</b>	<b>3.068.864.354</b>	<b>-</b>
Trong đó, các khoản phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	42.096.182	-	307.850.301	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	2.555.229.763	-	2.555.229.763	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	-	Trên 3 năm	1.481.124.999	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	498.741.264	-	Trên 3 năm	498.741.264	-	Trên 3 năm
Các học viên bộ đội tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	575.363.500	-	Trên 3 năm	575.363.500	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>		<b>2.555.229.763</b>	<b>-</b>	

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.878.483.478	-	2.643.131.884	-
Công cụ, dụng cụ	82.402.808	-	113.555.574	-
Hàng hóa	2.451.162.122	-	2.724.703.971	-
<b>Cộng</b>	<b>5.412.048.408</b>	<b>-</b>	<b>5.481.391.429</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	55.616.101.576	33.500.231.422	71.209.968.699	1.279.271.327	161.605.573.024
Mua trong năm	-	69.254.545	540.860.000	-	610.114.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.438.164.724)	-	(3.438.164.724)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>55.616.101.576</b>	<b>33.569.485.967</b>	<b>68.312.663.975</b>	<b>1.279.271.327</b>	<b>158.777.522.845</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	31.905.019.931	28.397.146.750	62.856.227.293	1.264.572.781	124.422.966.755
Khấu hao trong năm	1.343.323.596	750.050.189	1.567.846.466	3.512.610	3.664.732.861
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.438.164.724)	-	(3.438.164.724)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>33.248.343.527</b>	<b>29.147.196.939</b>	<b>60.985.909.035</b>	<b>1.268.085.391</b>	<b>124.649.534.892</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	23.711.081.645	5.103.084.672	8.353.741.406	14.698.546	37.182.606.269
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>22.367.758.049</b>	<b>4.422.289.028</b>	<b>7.326.754.940</b>	<b>11.185.936</b>	<b>34.127.987.953</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 của TSCĐ hữu hình là 4.006.774.875 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 70.050.624.329 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	473.227.100	479.856.000	953.083.100
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>473.227.100</b>	<b>479.856.000</b>	<b>953.083.100</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	366.883.758	366.883.758
Khấu hao trong năm	-	18.666.674	18.666.674
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>-</b>	<b>385.550.432</b>	<b>385.550.432</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	473.227.100	112.972.242	586.199.342
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>473.227.100</b>	<b>94.305.568</b>	<b>567.532.668</b>

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng được sử dụng để xây dựng Công ty và nhà máy chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 332.856.000 VND.

**4.9. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất, thuê tài sản	1.716.716.139	2.058.458.098
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	261.175.434	242.049.362
Các khoản khác	1.611.961.462	836.256.676
<b>Cộng</b>	<b>3.589.853.035</b>	<b>3.136.764.136</b>
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.093.575.717	1.319.030.537
Chi phí đào tạo chứng chỉ nghề lĩnh vực suất ăn	610.366.307	428.544.436
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.681.661.956	1.673.600.043
<b>Cộng</b>	<b>3.385.603.980</b>	<b>3.421.175.016</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	70.845.481	70.845.481	98.295.965	98.295.965
Phải trả cho người bán:				
Hộ kinh doanh Lê Ngọc Thịnh	710.041.067	710.041.067	872.114.319	872.114.319
Ông Lê Tiến Minh	606.309.780	606.309.780	690.114.420	690.114.420
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – CN TCT Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	622.986.786	622.986.786	586.538.908	586.538.908
CTCP Thương Mại Và Dịch Vụ Cuộc Sống Việt – Chi Nhánh Đà Nẵng	561.926.710	561.926.710	572.750.525	572.750.525
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	7.023.597.894	7.023.597.894	6.926.879.273	6.926.879.273
<b>Cộng</b>	<b>9.595.707.718</b>	<b>9.595.707.718</b>	<b>9.746.693.410</b>	<b>9.746.693.410</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	3.270.589.207	5.448.708.042
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	2.348.110.000	40.960.000
Tiền ứng trước của học viên tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	623.956.000	12.392.000
Các khách hàng khác	-	54.000
<b>Cộng</b>	<b>6.242.655.207</b>	<b>5.502.114.042</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	595.592.347	3.479.370.705	3.417.389.776	-	533.611.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.244.944	-	-	-	35.244.944	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.068.430	299.371.289	266.974.286	-	38.671.427
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	138.949.752	-	137.668.705	160.655.446	115.963.011	-
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>174.194.696</b>	<b>666.660.777</b>	<b>3.928.410.699</b>	<b>3.857.019.508</b>	<b>151.207.955</b>	<b>572.282.845</b>

**4.13. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trích trước chi phí chiết khấu phải trả (*)	985.863.125	-
Trích trước phí nhượng quyền suất ăn	-	176.475.000
Trích trước chi phí đào tạo	314.100.000	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	37.784.429	45.717.000
Trích trước các chi phí khác	112.938.283	42.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.450.685.837</b>	<b>264.692.000</b>

(\*) Trong đó, chi phí chiết khấu phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31

375.000.000

-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả (*)	1.165.341.774	345.507.192
Kinh phí công đoàn	416.182.983	185.200.426
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	454.730.000	444.200.000
Phí hoa hồng phải trả khi giới thiệu học viên	512.864.000	279.204.000
Phải trả tiền cọc cho tài xế xe taxi	219.845.533	219.845.533
Các khoản thu hộ	198.967.402	73.845.802
Các khoản phải trả, phải nộp khác	362.429.716	385.314.116
<b>Cộng</b>	<b>3.330.361.408</b>	<b>1.933.117.069</b>
(*) Trong đó, lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	174.875.561	51.826.078
Dài hạn:		
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
Vốn góp hợp tác kinh doanh tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng (**)</b>	<b>3.640.000.000</b>	<b>3.640.000.000</b>
(**) Trong đó, vốn góp hợp tác kinh doanh phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	580.000.000	580.000.000

**4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Huế	4.112.254.379	1.859.980.534
Nhận trước tiền đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	2.721.711.241	891.510.454
<b>Cộng</b>	<b>6.833.965.620</b>	<b>2.751.490.988</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Vay**

	Tại ngày 30/06/2024 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	8.990.629.687	8.990.629.687	22.447.003.807	21.950.568.993	8.494.194.873	8.494.194.873
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	636.000.000	636.000.000	636.000.000	-	-	-
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	953.986.135	953.986.135	-	954.000.000	1.907.986.135	1.907.986.135
<b>Cộng</b>	<b>10.580.615.822</b>	<b>10.580.615.822</b>	<b>23.083.003.807</b>	<b>22.904.568.993</b>	<b>10.402.181.008</b>	<b>10.402.181.008</b>

(Xem trang tiếp theo)



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:

Hạn mức vay: 20.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 06 tháng

Lãi suất: 5,8%/năm

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 473.227.100 VND – Xem thêm Mục 4.8.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:

Hạn mức vay: 1.976.000.000 VND

Thời hạn vay: 36 tháng

Lãi suất: 7,5%/năm

Mục đích vay: Mua sắm, đầu tư tài sản cố định

Tài sản đảm bảo: Phương tiện vận tải của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 4.006.774.875 VND – Xem thêm Mục 4.7.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2023	42.676.830.000	803.208.113	(15.774.950.704)	27.705.087.409
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	1.327.842.521	1.327.842.521
Chia lỗ hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	57.165.263	57.165.263
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(242.373.255)	(242.373.255)
Tại ngày 30/06/2023	42.676.830.000	803.208.113	(14.632.316.175)	28.847.721.938
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	2.324.466.426	2.324.466.426
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(331.989.924)	(331.989.924)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(242.426.790)	(242.426.790)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	-	(48.378.076)	(48.378.076)
Tại ngày 01/01/2024	42.676.830.000	803.208.113	(12.930.644.539)	30.549.393.574
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	5.705.086.387	5.705.086.387
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Đà Nẵng	-	-	(1.089.548.423)	(1.089.548.423)
Chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh Trung tâm đào tạo lái xe Huế	-	-	(1.165.341.774)	(1.165.341.774)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>42.676.830.000</b>	<b>803.208.113</b>	<b>(9.480.448.349)</b>	<b>33.999.589.764</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.18.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.267.683	4.267.683
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.267.683	4.267.683

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.18.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.705.086.387	1.327.842.521
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế TNDN:		
+ Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	57.165.263
+ Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(2.254.890.197)	(242.373.255)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.450.196.190	1.142.634.529
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	4.267.683	4.267.683
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>808</b>	<b>268</b>

**4.18.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.705.086.387	1.327.842.521
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế TNDN:		
+ Điều chỉnh tăng lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	57.165.263
+ Điều chỉnh giảm lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(2.254.890.197)	(242.373.255)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.450.196.190	1.142.634.529
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.267.683	4.267.683
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>808</b>	<b>268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	7.902,96	5.723,50

**4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Doanh thu bán hàng	7.737.949.088	5.384.605.944
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	19.205.678.368	14.660.741.850
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	449.148.148	509.823.370
Doanh thu cung cấp dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác	67.093.649.887	44.365.706.088
<b>Cộng</b>	<b>94.486.425.491</b>	<b>64.920.877.252</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	42.299.611.924	27.405.749.638

**4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chiết khấu thương mại	748.998.719	54.524.733
Hàng bán bị trả lại	1.109.066.636	338.822.000
<b>Cộng</b>	<b>1.858.065.355</b>	<b>393.346.733</b>

**4.22. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.309.630.105	3.517.608.125
Giá vốn của dịch vụ đào tạo đã cung cấp	12.480.872.748	12.114.442.216
Giá vốn của dịch vụ suất ăn và các dịch vụ khác đã cung cấp	57.496.169.159	38.080.903.694
<b>Cộng</b>	<b>74.286.672.012</b>	<b>53.712.954.035</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí chiết khấu thanh toán cho bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	375.000.000	375.000.000
Chi phí lãi vay	357.811.875	632.208.465
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	175.611
<b>Cộng</b>	<b>732.811.875</b>	<b>1.007.384.076</b>

**4.24. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.242.394.600	1.516.479.775
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	117.456.878	73.658.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.690.478	2.357.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.553.217.777	1.455.633.177
Các khoản chi phí bán hàng khác	165.696.724	132.164.358
<b>Cộng</b>	<b>4.084.456.457</b>	<b>3.180.293.217</b>

**4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.601.060.334	3.890.465.747
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.470.925	57.156.173
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.583.941	29.381.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	570.116.744	491.715.602
Chi phí bằng tiền khác	1.785.374.084	960.587.179
<b>Cộng</b>	<b>8.094.606.028</b>	<b>5.429.306.300</b>

**4.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua hàng	2.788.155.767	2.586.918.584
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.843.738.738	18.371.135.837
Chi phí nhân công	31.279.906.887	21.304.063.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.683.399.535	4.605.090.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.618.350.361	8.417.807.536
Chi phí khác bằng tiền	9.252.183.209	7.037.537.507
<b>Cộng</b>	<b>86.465.734.497</b>	<b>62.322.553.552</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.705.086.387	1.327.842.521
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	655.736.707	244.488.637
<i>Các khoản chi không được trừ theo luật thuế TNDN</i>	<i>621.070.274</i>	<i>236.240.013</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước của tiền và các khoản phải thu cuối kỳ</i>	<i>34.666.433</i>	<i>8.248.624</i>
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(177.909.580)	(615.908)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá năm nay của tiền và các khoản phải thu cuối kỳ</i>	<i>(177.909.580)</i>	<i>(615.908)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN hiện hành	6.182.913.514	1.571.715.250
Trừ: Chuyển lỗ	(6.182.913.514)	(1.571.715.250)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	22.447.003.807	17.312.657.956

**4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(22.268.568.993)	(15.959.265.888)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.30. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý mà Công ty hoạt động như sau:

- Thành phố Đà Nẵng;
- Tỉnh Khánh Hòa;
- Tỉnh Thừa Thiên Huế

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

Đơn vị tính: Ngân VND

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loại trừ (*)</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Doanh thu</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	54.939.467	42.202.380	22.756.312	10.672.357	16.790.647	12.046.140	-	-	94.486.426	64.920.877
Giữa các bộ phận	1.170.927	526.719	-	-	-	-	(1.170.927)	(526.719)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.110.394</b>	<b>42.729.099</b>	<b>22.756.312</b>	<b>10.672.357</b>	<b>16.790.647</b>	<b>12.046.140</b>	<b>(1.170.927)</b>	<b>(526.719)</b>	<b>94.486.426</b>	<b>64.920.877</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	12.329.821	10.811.710	2.533.162	(2.072.366)	3.478.705	2.075.232	-	-	18.341.688	10.814.576
Chi phí bán hàng	(3.315.769)	(2.609.221)	-	-	(768.687)	(571.072)	-	-	(4.084.456)	(3.180.293)
Chi phí quản lý	(7.462.191)	(4.196.067)	-	-	(632.415)	(1.233.239)	-	-	(8.094.606)	(5.429.306)
Thu nhập tài chính	212.521	14.584	251	147	120.990	134.758	(118.660)	(144.766)	215.102	4.723
Chi phí tài chính	(222.776)	(492.453)	(618.166)	(594.871)	(10.531)	(64.826)	118.660	144.766	(732.813)	(1.007.384)
Lợi nhuận khác	(164.432)	17.377	(3.143)	(1.169)	227.747	109.319	-	-	60.172	125.527
Lợi nhuận trước thuế	1.377.174	3.545.930	1.912.104	(2.668.259)	2.415.810	450.172	-	-	5.705.088	1.327.843
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>									<b>5.705.088</b>	<b>1.327.843</b>

(\*) Ghi chú:

- Doanh thu loại trừ là doanh thu cung cấp nội bộ giữa bộ phận sản phẩm ăn với bộ phận thương mại tại Đà Nẵng.

- Thu nhập và chi phí tài chính loại trừ là thu nhập và chi phí từ giao dịch cho vay/vay nội bộ giữa Văn phòng Công ty và Trung tâm đào tạo lái xe Huế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Các thông tin khác:

Đơn vị tính: Ngân VND

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024
Tổng tài sản	75.645.933	70.860.928	24.170.149	25.196.017	18.125.879	13.252.725	(35.721.976)	(37.939.138)	82.219.985	71.370.532
Tổng nợ phải trả	(41.646.344)	(40.311.534)	(24.170.149)	(25.196.017)	(18.125.879)	(13.252.725)	35.721.976	37.939.138	(48.220.396)	(40.821.138)

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024

Tài sản cố định:

Nguyên giá	53.697.953	57.066.863	76.920.417	76.920.417	29.112.235	28.571.375	-	-	159.730.605	162.558.655
Hao mòn lũy kế	(46.366.715)	(48.386.300)	(55.465.485)	(53.732.929)	(23.202.885)	(22.670.621)	-	-	(125.035.085)	(124.789.850)

	<u>Đà Nẵng</u>		<u>Khánh Hòa</u>		<u>Thừa Thiên Huế</u>		<u>Loai trừ</u>		<u>Tổng công</u>	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước

Chi phí khấu hao	(1.418.580)	(1.676.710)	(1.732.556)	(2.372.524)	(532.264)	(555.857)	-	-	(3.683.400)	(4.605.091)
Chi phí mua sắm tài sản	(610.115)	(8.000)	-	-	-	-	-	-	(610.115)	(8.000)

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ sở vị trí địa lý của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo hoạt động kinh doanh là bộ phận thứ yếu.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024:

Đơn vị tính: Ngàn VND

	<u>Hàng không</u>		<u>Đào tạo</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	75.225.326	50.180.135	19.261.099	14.740.742	-	-	94.486.425	64.920.877
Giữa các bộ phận	1.170.927	526.719	-	-	(1.170.927)	(526.719)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>76.396.253</b>	<b>50.706.854</b>	<b>19.261.099</b>	<b>14.740.742</b>	<b>(1.170.927)</b>	<b>(526.719)</b>	<b>94.486.425</b>	<b>64.920.877</b>
Chi phí khấu hao	(3.054.490)	(4.042.710)	(628.910)	(562.381)	-	-	(3.683.400)	(4.605.091)
Chi phí mua sắm tài sản	(610.115)	(8.000)	-	-	-	-	(610.115)	(8.000)

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.31. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (“Vietnam Airlines”)	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Công ty con của Vietnam Airlines
3. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
4. Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty con của Vietnam Airlines
5. Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	Trực thuộc công ty con của Vietnam Airlines
6. Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty con của Vietnam Airlines
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>
<b>Phải thu thương mại:</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	702.861.300	475.065.000
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	533.401.264	523.041.264
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	33.292.000	125.307.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	100.703.466	51.861.600
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.3</b>	<b><u>1.370.258.030</u></b>	<b><u>1.175.274.864</u></b>
<b>Phải thu khác:</b>		
Tạm ứng cho nhân viên:		
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	6.000.000	85.733.658
Khoản lỗ chia cho các bên hợp tác đầu tư:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Thành viên HĐQT	24.590.235	130.887.642
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	11.505.947	91.229.001
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.4</b>	<b><u>42.096.182</u></b>	<b><u>307.850.301</u></b>
<b>Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.10:</b>		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	70.845.481	98.295.965
<b>Người mua trả tiền trước – Xem thêm Mục 4.11:</b>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	3.270.589.207	5.448.708.042



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí chiết khấu phải trả - Xem thêm Mục 4.14:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	375.000.000	-
Phải trả khác ngắn hạn khoản lợi nhuận hợp tác đầu tư – Xem thêm Mục 4.15:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Thành viên HĐQT	174.875.561	51.826.078
Phải trả khác dài hạn:		
Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả:		
Ông Nguyễn Thanh Đông – Thành viên HĐQT	460.000.000	460.000.000
Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.15</b>	<b>580.000.000</b>	<b>580.000.000</b>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	39.670.466.361	25.644.379.435
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	2.383.857.500	1.441.859.500
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	79.650.926	219.335.473
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Đà Nẵng	73.357.507	72.247.957
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	60.187.037	-
Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	32.092.593	27.927.273
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.20</b>	<b>42.299.611.924</b>	<b>27.405.749.638</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	58.551.941	230.363.008
Chiết khấu thanh toán – Xem thêm Mục 4.23:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	375.000.000	375.000.000

*(Xem trang tiếp theo)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát và kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND			Kỳ trước VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Đào Mạnh Kiên	Chủ tịch HĐQT	9.750.000	-	9.750.000	9.750.000	-	9.750.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	5.460.000	78.719.464	84.179.464	5.460.000	74.160.168	79.620.168
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	5.460.000	-	5.460.000	5.460.000	-	5.460.000
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/06/2024)	5.460.000	521.354.690	526.814.690	5.460.000	232.482.869	237.942.869
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	5.460.000	335.207.219	340.667.219	5.460.000	163.549.396	169.009.396
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	335.207.219	335.207.219	-	163.549.396	163.549.396
Bà Nguyễn Thị Minh Huyền	Kế toán trưởng	-	311.412.416	311.412.416	-	137.238.339	137.238.339
Ông Đinh Hồng Sơn	Trưởng Ban Kiểm Soát	-	46.800.000	46.800.000	-	46.800.000	46.800.000
Ông Nguyễn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	3.900.000	46.136.759	50.036.759	3.900.000	51.515.833	55.415.833
Ông Lê Giang Nam	Thành viên Ban kiểm soát	3.900.000	169.014.406	172.914.406	3.900.000	88.593.114	92.493.114
<b>Cộng</b>		<b>39.390.000</b>	<b>1.843.852.173</b>	<b>1.883.242.173</b>	<b>39.390.000</b>	<b>957.889.115</b>	<b>997.279.115</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.32. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro lãi suất;
  - + Rủi ro tiền tệ.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.215.771.813	7.445.756.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.834.439.178	13.763.482.181
Đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.550.210.991</b>	<b>21.209.238.223</b>
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	10.580.615.822	10.402.181.008
Phải trả người bán và phải trả khác	16.149.886.143	15.134.610.053
Chi phí phải trả	1.450.685.837	264.692.000
<b>Cộng</b>	<b>28.181.187.802</b>	<b>25.801.483.061</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Rủi ro tín dụng**

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền và tương đương tiền	14.215.771.813	7.445.756.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.834.439.178	13.763.482.181
Đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.550.210.991</b>	<b>21.209.238.223</b>

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.5 trong Bản thuyết minh cung cấp những thông tin về các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Các khoản vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	9.626.629.687	13.960.571.980	23.587.201.667
Từ 01 – 03 năm	953.986.135	-	953.986.135
Trên 05 năm	-	3.640.000.000	3.640.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>10.580.615.822</b>	<b>17.600.571.980</b>	<b>28.181.187.802</b>
	Các khoản vay VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	8.494.194.873	11.759.302.053	20.253.496.926
Từ 01 – 03 năm	1.907.986.135	-	1.907.986.135
Trên 05 năm	-	3.640.000.000	3.640.000.000
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>10.402.181.008</b>	<b>15.399.302.053</b>	<b>25.801.483.061</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi đã ký kết với ngân hàng. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 30/06/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	10.580.615.822	10.402.181.008

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

**Rủi ro ngoại tệ**

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro về USD do Công ty có các giao dịch về cung ứng suất ăn với các hãng Hàng không quốc tế như STARLUX Airlines; Qatar Airways; Eznis Airways;....

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã thông qua các biện pháp như lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro ngoại tệ và rủi ro thanh khoản.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Đầu tư ngắn hạn VND	Phải thu thương mại và Phải thu khác VND	Tiền VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/6/2024</b>				
VND	6.500.000.000	10.664.150.790	14.016.333.418	31.180.484.208
USD	-	3.170.288.388	199.438.395	3.369.726.783
<b>Cộng</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>13.834.439.178</b>	<b>14.215.771.813</b>	<b>34.550.210.991</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
VND	-	11.102.550.918	7.308.061.446	18.410.612.364
USD	-	2.660.931.263	137.694.596	2.798.625.859
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>13.763.482.181</b>	<b>7.445.756.042</b>	<b>21.209.238.223</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay VND	Phải trả thương mại và khác (*) VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
VND	10.580.615.822	15.895.156.143	1.450.685.837	27.926.457.802
USD	-	254.730.000	-	254.730.000
<b>Cộng</b>	<b>10.580.615.822</b>	<b>16.149.886.143</b>	<b>1.450.685.837</b>	<b>28.181.187.802</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
VND	10.402.181.008	14.890.410.053	264.692.000	25.557.283.061
USD	-	244.200.000	-	244.200.000
<b>Cộng</b>	<b>10.402.181.008</b>	<b>15.134.610.053</b>	<b>264.692.000</b>	<b>25.801.483.061</b>

(\*) Phải trả khác là là các khoản đặt cọc của các hãng hàng không nước ngoài theo hợp đồng.

**4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Thanh Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Minh Huyền  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thương  
Người lập

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2024